

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **437/2022/HSPT**
Ngày: 12/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Bà Nguyễn Thị Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án tỉnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 353/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Bảo Ldo có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Bảo L**, sinh năm: 1978, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp X, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Con ông: con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1949 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1951; có vợ tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1984, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2022, tại ấp X, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có người bị hại và có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Bảo L, Nguyễn Thị Kim Y có mối quan hệ là vợ chồng, làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng và chủ cửa hàng “Điều Loan” có địa chỉ tại ấp X, xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Quá trình kinh doanh, chị Đỗ Thị Ng, sinh năm 1991 ngụ ấp BB, xã XĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Thép “TT” tại ấp BB, xã XĐ, huyện CM, tỉnh Đồng Nai (từ tháng 11 năm 2021 do anh Đỗ Đình T làm giám đốc) nhiều lần mua vật liệu xây dựng của L và Y và còn nợ lại số tiền 31.156.000 đồng (ba mươi một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng). L và Y đã nhiều lần liên lạc để đòi tiền nhưng Ng không trả cũng không gặp mặt để nói chuyện.

Khoảng 15 giờ ngày 05/01/2022, L và Y đến Công ty TNHH Thép “TT” để đòi nợ nhưng không gặp Ng . Tại đây chỉ có Đặng Thị Thanh Nh, sinh năm 2002 ngụ ấp Thoại Hương, xã XĐ, huyện CM là nhân viên của Công ty. Do không gặp được Ng nên L, Y yêu cầu Nh gọi điện thoại cho Ng đến để trả nợ nhưng Nh không đồng ý. Lúc này Y nói sẽ lấy một máy bẻ đai sắt tự động của Công ty TNHH Thép “TT” để buộc Ng trả nợ thì Nh đã gọi điện thoại cho Lâu Ngọc Diễm Trang, sinh năm 2000 ngụ ấp BB, xã XĐ, huyện CM cũng là nhân viên của Công ty TNHH Thép “TT” đến để giải quyết vụ việc. Sau đó, L gọi điện thoại cho Bùi Văn Gi, sinh năm 1978 ngụ ấp Cọ Dầu 1, xã XĐ, huyện CM (là người chở hàng thuê) nói đến Công ty TNHH Thép “TT” giúp L, Y chở máy bẻ đai sắt về. Gi đồng ý và điều khiển xe ô tô tải (có cần cầu) biển số 51C-637.05 chở theo Huỳnh Văn Duy Tr, sinh năm 1986 và Hứa Văn L1, sinh năm 1993 cùng ngụ xã XĐ, huyện CM là phụ xe đi đến. Tại đây Gi và L1 giúp L buộc dây vào máy bẻ đai sắt tự động rồi điều khiển xe ô tô và cần cầu giúp Lcâu lấy máy bẻ đai sắt đưa lên xe tải. Trong quá trình buộc dây vào máy bẻ đai sắt thì Trang đã đến ngăn cản, dùng tay tháo dây buộc vào máy, dùng chân đạp vào thân của máy không cho Lcũng những người khác buộc dây và cần máy lên xe nhưng bị Lgạt ra, còn Nh thì cầm máy điện thoại quay lại diễn biến sự việc. Do bên phía Lcó nhiều người và dùng máy cần nên Trang không ngăn cản được phải để cho L cần máy bẻ đai sắt đi. Sau đó L và Y cùng Gi, Tr và L1 mang máy bẻ đai sắt tự động chở về nhà L cất giữ.

Ngày 07/01/2022, anh Đỗ Đình T là giám đốc Công ty TNHH Thép “TT” làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ và yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) máy bẻ đai sắt tự động màu xanh - cam do Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu VH sản xuất.

- 01 (một) USB nhãn hiệu KIOXIA 16GB màu trắng chứa 01 đoạn video trích xuất từ camera an ninh của Công ty TNHH Thép TT ghi lại nội dung sự việc xảy ra vào chiều ngày 05/01/2022.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 14/02/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cẩm Mỹ xác định: 01 (một) máy bẻ đai sắt tự động màu xanh - cam do Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu “V - H” sản xuất có trị giá 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã truy tố bị cáo Nguyễn Bảo L và Nguyễn Thị Kim Y về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Bảo L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bị cáo Nguyễn Bảo L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ khi bị cáo vào trại giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Y 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo không kháng cáo. Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/9/2022, bị cáo Nguyễn Bảo L kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo và nộp thêm các chứng cứ mới gồm 01 đơn xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Đỗ Đình T; 01 đơn xác nhận nhân thân tốt tại địa phương do UBND xã SR, huyện CM xác nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp về nội dung, hình thức và trong thời hạn nên xem xét giải quyết. Về nội dung: Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Bảo L tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS 2015 là đúng người, đúng tội, tương xứng với tội phạm bị cáo gây ra. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử bị cáo mức án 03 (ba) năm tù là có căn cứ. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo và cung cấp thêm tình tiết mới là 01 đơn xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại Đỗ Đình T; 01 đơn xác nhận nhân thân tốt tại địa phương nhưng xét thấy mức án của cấp sơ thẩm dành cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bảo L được làm trong thời hạn phù hợp với quy định tại các Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Bảo L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Do bức xúc việc chị Đỗ Thị Ng trước đây là giám đốc Công ty thép TT mua vật liệu xây dựng nhưng không thanh toán nên vào khoảng 15 giờ ngày 05/01/2022, vợ chồng Nguyễn Thị Kim Y, Nguyễn Bảo L đến Công ty Thép TT tìm gặp Đỗ Thị Ng để đòi nợ. Vì không gặp được Ng nên L và Y đã nảy sinh ý định lấy máy bê đai sắt để trong nhà kho của công ty để buộc Ng trả nợ và đã nhờ Bùi Văn Gi là tài xế xe ô tô tải cầu và Huỳnh Văn Duy Tr và Hứa Văn L1 là phụ xe đến cầu lấy 01 (một) máy bê đai sắt tự động có trị giá 64.000.000 đồng (sáu mươi bốn triệu đồng) của Công ty TNHH thép TT do anh Đỗ Đình T làm giám đốc đưa về nhà cất giữ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bảo L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật. Do vậy, mức hình phạt 03 (ba) năm tù dành cho bị cáo của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội.

[4] Tại cấp phúc thẩm bị cáo giao nộp thêm đơn xin cho bị cáo hưởng án treo của người bị hại Đỗ Đình T và giấy xác nhận quá trình sống tại địa phương ổn định và nhân thân tốt. Ngoài ra thấy cũng cần xem xét bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; bị cáo có trên 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; bị cáo cũng không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo và xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 02/2022/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo của Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là 03 (ba) năm tù, áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự

năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định là phù hợp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên HĐXX không xem xét.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bảo L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 46/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo L 03 (ba) năm tù chung cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã SR, huyện CM, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm 46/2022/HSST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai; VKS sơ thẩm
- TAND cấp sơ thẩm;
- Công an cấp quận, huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Phòng PV27-Công an tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam;
- Bị cáo, đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Kiều Lương

Nguyễn Thị Quyên

Võ Thị Thanh Phượng